

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18  
tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020  
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện  
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính  
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá,  
Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2546/QĐ-BVHTTDL ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công TT điện tử Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, PC, QC.10.



**Nguyễn Ngọc Thiện**

## **QUY CHẾ**

### **Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

*(Kèm theo Quyết định số... 765/QĐ-BVHTTDL ngày 03.. tháng 03... năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

## **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Quy chế này bao gồm:

a) Luật, Nghị quyết của Quốc hội;

b) Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Nghị định của Chính phủ;

d) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Thông tư), Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước để quy định về việc phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng, các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao, du lịch (sau đây gọi là Thông tư liên tịch).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ); các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### **Điều 3. Tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước**

Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước và danh mục bí mật nhà nước của ngành văn hóa, thể

thao, gia đình và du lịch phải tuân thủ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG, TRÌNH VĂN BẢN LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI (SAU ĐÂY GỌI LÀ LUẬT)**

#### **Mục 1**

#### **ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT**

##### **Điều 4. Lập đề nghị xây dựng Luật**

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu lập đề nghị xây dựng Luật để điều chỉnh các nội dung quy định tại Điều 15, 16 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Căn cứ lập đề nghị xây dựng Luật theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trước khi triển khai lập đề nghị xây dựng Luật, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phải tổ chức các hoạt động tổng kết, nghiên cứu, xây dựng nội dung, dự kiến nguồn lực bảo đảm thi hành Luật theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lập đề nghị xây dựng Luật có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

##### **Điều 5. Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng Luật**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Luật có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 10, 11 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

2. Sau khi đã tiếp thu ý kiến của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, chậm nhất vào ngày 30 tháng 9 hằng năm, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Luật gửi hồ sơ đề nghị đến Vụ Pháp chế để kiểm tra hồ sơ, góp ý

để báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng quyết định việc gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Luật gửi đến, Vụ Pháp chế có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tập trung vào các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và có ý kiến trả lời bằng văn bản.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Luật có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Vụ Pháp chế và Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, ký văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng quyết định lấy ý kiến Ban Cán sự Đảng trước khi ký văn bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

### **Điều 6. Trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng Luật**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Luật có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị và báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế trước khi trình Bộ trưởng quyết định trình Chính phủ xem xét, thông qua.

Hồ sơ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 21 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở Nghị quyết của Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật trình Bộ trưởng phê duyệt trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

## **Mục 2 SOẠN THẢO LUẬT**

### **Điều 7. Kế hoạch soạn thảo Luật**

1. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì soạn thảo dự án Luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế xây dựng Kế hoạch soạn thảo Luật báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nội dung Kế hoạch căn cứ vào các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo Luật theo quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp



luật và khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo Luật theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), có thời gian hoàn thành và sản phẩm cụ thể.

### **Điều 8. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu giúp Bộ trưởng quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật.

2. Thành phần Ban soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó Bộ trưởng là Trưởng ban soạn thảo, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn là Phó Trưởng ban soạn thảo và các thành viên khác.

Nhiệm vụ của Ban soạn thảo, Trưởng Ban soạn thảo, thành viên Ban soạn thảo dự án Luật thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thành phần Tổ biên tập, nhiệm vụ của Tổ biên tập thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó Tổ trưởng Tổ biên tập là thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo Luật.

### **Điều 9. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo Luật**

1. Trong quá trình soạn thảo, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Khi được đề nghị tham gia ý kiến, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị góp ý kiến phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sau khi tổng

hợp có ý kiến của Vụ Pháp chế trước khi báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để trình Bộ trưởng quyết định.

### **Điều 10. Hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật trình Bộ trưởng quyết định để gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải được gửi Vụ Pháp chế và Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

Trong trường hợp có ý kiến khác nhau về hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định, Vụ Pháp chế phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo để xử lý. Trường hợp cần thiết, Vụ Pháp chế đề nghị Lãnh đạo Bộ chủ trì họp với các cơ quan, đơn vị để thảo luận và thống nhất về những vấn đề đó trước khi có ý kiến chính thức bằng văn bản.

3. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh lần cuối hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định (kèm theo các ý kiến góp ý) trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

### **Điều 11. Hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ**

1. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn chỉnh hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ dự án Luật trình Chính phủ phải được gửi đến Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng quyết định lấy ý kiến Ban Cán sự Đảng trước khi trình Chính phủ.

### **Điều 12. Chính lý dự án Luật sau khi Chính phủ cho ý kiến**

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế để triển khai việc chính lý dự án Luật sau khi Chính phủ cho ý kiến theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Chương III**  
**XÂY DỰNG, TRÌNH NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ,**  
**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**Mục 1**  
**ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**Điều 13. Lập đề nghị xây dựng Nghị định**

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu lập đề nghị xây dựng Nghị định theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với Nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế lập danh mục văn bản quy định chi tiết trình Bộ trưởng quyết định gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập đề nghị xây dựng Nghị định theo quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trước khi triển khai lập đề nghị xây dựng Nghị định, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phải tổ chức các hoạt động tổng kết, đánh giá, nghiên cứu thông tin, xây dựng nội dung chính sách theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Nghị định có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định theo quy định tại Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 14. Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng Nghị định**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Nghị định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định và lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 86 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 10, 11 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Sau khi tiếp thu ý kiến của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Nghị định gửi hồ sơ đề nghị đến Vụ Pháp chế để góp ý, báo cáo Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn

cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng quyết định việc gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Nghị định gửi đến, Vụ Pháp chế có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tập trung vào các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và có ý kiến trả lời bằng văn bản.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Nghị định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến của Vụ Pháp chế và Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để chỉnh lý, hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, ký văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định.

### **Điều 15. Trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng Nghị định**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị xây dựng Nghị định có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, có ý kiến của Vụ Pháp chế trước khi báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế để trình Bộ trưởng quyết định trình Chính phủ xem xét, thông qua. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng quyết định lấy ý kiến Ban Cán sự Đảng trước khi ký văn bản trình Chính phủ.

2. Hồ sơ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **Mục 2**

### **SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

#### **Điều 16. Kế hoạch soạn thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

1. Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định, văn bản của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chủ trì xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế xây dựng Kế hoạch soạn thảo văn bản, báo cáo Thứ trưởng phụ trách chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nội dung Kế hoạch căn cứ vào các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản theo quy định tại Điều 90, 97 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn



thảo theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có thời gian hoàn thành và sản phẩm cụ thể.

**Điều 17. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

1. Căn cứ từng trường hợp cụ thể, nếu cần thiết Bộ trưởng quyết định việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu giúp Bộ trưởng quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập.

3. Thành phần, nhiệm vụ của Ban soạn thảo, Tổ biên tập thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

**Điều 18. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

1. Trong quá trình soạn thảo, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Khi được đề nghị tham gia ý kiến, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị góp ý kiến phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Thủ tướng phụ trách lĩnh vực chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

**Điều 19. Hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gửi Bộ Tư pháp thẩm định**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trình Bộ trưởng quyết định để gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo

quy định tại Điều 92, 98 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 25, 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải được gửi Vụ Pháp chế và Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

Trong trường hợp có ý kiến khác nhau về hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định, Vụ Pháp chế phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo để xử lý. Trường hợp cần thiết, Vụ Pháp chế đề nghị Lãnh đạo Bộ chủ trì họp với các cơ quan, đơn vị để thảo luận và thống nhất về những vấn đề đó trước khi có ý kiến chính thức bằng văn bản.

3. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh lần cuối hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định (kèm theo các ý kiến góp ý) trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

### **Điều 20. Hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định, Quyết định để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ theo quy định tại Điều 93 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Quyết định để trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 99 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải được gửi đến Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng quyết định lấy ý kiến Ban Cán sự Đảng trước khi trình Chính phủ.

### **Điều 21. Hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Đối với Nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế chuẩn bị hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế trước khi trình Bộ trưởng

xem xét, quyết định. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng quyết định lấy kiến Ban Cán sự Đảng trước khi báo cáo Chính phủ.

## **Chương IV** **XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

### **Mục 1** **CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

#### **Điều 22. Kiến nghị xây dựng Thông tư**

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm nghiên cứu, kiến nghị xây dựng Thông tư.

2. Căn cứ xây dựng Thông tư:

a) Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định tại các điều, khoản, điểm giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết;

b) Thực tiễn đòi hỏi phải có biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

c) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành để bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Văn bản kiến nghị xây dựng Thông tư phải có các nội dung cơ bản sau:

a) Tên Thông tư;

b) Sự cần thiết ban hành Thông tư;

c) Căn cứ ban hành;

d) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

đ) Nội dung cơ bản của Thông tư;

đ) Thời gian trình Bộ trưởng ban hành;

e) Đơn vị phối hợp soạn thảo;

g) Các nội dung khác có liên quan.

4. Văn bản kiến nghị xây dựng Thông tư phải được gửi tới Vụ Pháp chế trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm dự kiến ban hành Thông tư để tổng

hợp vào dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư.

### **Điều 23. Lập Chương trình xây dựng Thông tư**

1. Trên cơ sở văn bản kiến nghị xây dựng Thông tư của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, đề xuất xây dựng Thông tư của các tổ chức, cá nhân, Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Thẩm định kiến nghị và đề xuất xây dựng Thông tư

Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề sau: sự cần thiết, căn cứ pháp lý ban hành văn bản; tính khả thi, sự phù hợp với pháp luật Việt Nam hiện hành và với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; điều kiện bảo đảm để xây dựng và thực thi văn bản.

Đối với đề nghị xây dựng Thông tư có quy định về thủ tục hành chính (trong trường hợp được giao trong Luật), cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì xây dựng Thông tư lấy ý kiến của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ) đối với thủ tục hành chính dự kiến quy định.

Trong quá trình thẩm định, nếu cần phải làm rõ các nội dung liên quan, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có kiến nghị xây dựng văn bản có trách nhiệm cung cấp thông tin về những nội dung đó.

b) Rà soát các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để xác định có điều, khoản, điểm giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết để kiến nghị xây dựng Thông tư trong trường hợp cơ quan, đơn vị thuộc Bộ không đề xuất.

2. Lập dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư:

a) Vụ Pháp chế có trách nhiệm lập dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư và tổ chức cuộc họp do Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế được Bộ trưởng ủy quyền chủ trì với sự tham dự của Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính, Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ kiến nghị xây dựng Thông tư để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký quyết định ban hành.

b) Thời gian tổ chức họp: trước ngày 30 tháng 11 của năm trước năm dự kiến ban hành Thông tư.

### **Điều 24. Ban hành Chương trình xây dựng Thông tư**

1. Căn cứ kết luận của Lãnh đạo Bộ tại cuộc họp về dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư, Vụ Pháp chế chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo Chương trình xây

dựng Thông tư trình Bộ trưởng ký ban hành trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Căn cứ Chương trình xây dựng Thông tư, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện theo dõi, đôn đốc tiến độ xây dựng văn bản, hàng quý có báo cáo Bộ trưởng.

### **Điều 25. Điều chỉnh Chương trình xây dựng Thông tư**

1. Các trường hợp đề nghị điều chỉnh:

a) Đưa ra khỏi Chương trình những văn bản chưa cần thiết ban hành hoặc không còn cần thiết ban hành do sự thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội;

b) Lùi thời điểm trình do chậm tiến độ soạn thảo hoặc chất lượng văn bản không bảo đảm;

c) Bổ sung vào Chương trình những văn bản do yêu cầu cấp thiết của việc quản lý hoặc phải sửa đổi phù hợp với các văn bản mới được ban hành.

2. Thủ tục điều chỉnh:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị điều chỉnh phải có văn bản báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn và Bộ trưởng nêu rõ lý do điều chỉnh (gửi 01 bản qua Vụ Pháp chế để tổng hợp);

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề nghị điều chỉnh Chương trình báo cáo Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định;

c) Chương trình xây dựng Thông tư chỉ được điều chỉnh 01 lần trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định điều chỉnh bằng văn bản cá biệt.

## **Mục 2**

### **SOẠN THẢO THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

#### **Điều 26. Kế hoạch soạn thảo Thông tư**

1. Căn cứ Chương trình xây dựng Thông tư đã được Bộ trưởng ban hành, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch soạn thảo Thông tư để triển khai thực hiện.

2. Nội dung Kế hoạch căn cứ vào các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 101, 102, 104, 110 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 28, 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quy định tại Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1



Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có thời gian hoàn thành và sản phẩm cụ thể.

### **Điều 27. Thành lập Tổ soạn thảo Thông tư**

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị Bộ trưởng quyết định thành lập Tổ soạn thảo. Tổ trưởng Tổ soạn thảo là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo. Các thành viên gồm đại diện cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo, đại diện Vụ Pháp chế, đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

2. Nhiệm vụ của Tổ soạn thảo thực hiện tương tự nhiệm vụ của Ban soạn thảo dự án Luật.

### **Điều 28. Lấy ý kiến góp ý dự thảo Thông tư**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Thông tư theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Khi được đề nghị tham gia ý kiến, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị góp ý kiến phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

2. Đối với dự thảo Thông tư có quy định thủ tục hành chính, trước khi gửi thẩm định, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải gửi lấy ý kiến của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ) đối với quy định thủ tục hành chính.

3. Việc đăng tải nội dung dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị đăng tải dự thảo Thông tư về Cổng thông tin điện tử Chính phủ, kèm theo 01 bản dự thảo của Thông tư (dự thảo có chữ ký xác nhận của Thủ trưởng và dấu treo của cơ quan chủ trì, đơn vị soạn thảo nếu có con dấu riêng);

b) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị đăng tải dự thảo Thông tư gửi về Trung tâm Công nghệ thông tin của Bộ, kèm theo 01 bản dự thảo của Thông tư (dự thảo có chữ ký xác nhận của Thủ trưởng và dấu treo của cơ quan chủ trì, đơn vị soạn thảo nếu có con dấu riêng);

c) Trong thời gian đăng tải nội dung dự thảo Thông tư (ít nhất 60 ngày, kể

từ ngày đăng tải), Cổng thông tin điện tử của Bộ có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân và gửi ý kiến đến cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; ý kiến của Phòng kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ) đối với nội dung quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư. Trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải giải trình cụ thể.

Việc tiếp thu ý kiến góp ý đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư được thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình, gửi Vụ Pháp chế.

Văn bản tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp về dự thảo Thông tư phải được báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để cho ý kiến.

### **Điều 29. Thẩm định dự thảo Thông tư**

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định dự thảo Thông tư trước khi trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành.

Đối với Thông tư có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo thì Bộ trưởng thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định tới Vụ Pháp chế. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trường hợp hồ sơ thẩm định không đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.

3. Nội dung và thời hạn thẩm định, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 46, 47, 48 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

### **Điều 30. Trình Bộ trưởng ký ban hành Thông tư**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định tại Điều 103 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực

chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách công tác pháp chế trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.

2. Trong trường hợp Thông tư có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo hoặc Vụ Pháp chế báo cáo Bộ trưởng triệu tập cuộc họp với Thứ trưởng phụ trách chuyên môn, Thứ trưởng phụ trách pháp chế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp chế và cơ quan, đơn vị liên quan về việc xem xét, ban hành Thông tư. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng quyết định lấy ý kiến Ban Cán sự Đảng trước khi ký ban hành.

### **Điều 31. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch**

1. Bộ trưởng và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Thông tư liên tịch để quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng, các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

2. Trong trường hợp các cơ quan thỏa thuận, phân công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì soạn thảo, Bộ trưởng quyết định giao cho một cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo.

3. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch thực hiện theo quy định tại Điều 110 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định có liên quan trong Quy chế này.

### **Điều 32. Gửi Thông tư, Thông tư liên tịch để đăng Công báo, đăng tải và đưa tin**

1. Thông tư, Thông tư liên tịch phải được gửi đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật nhà nước của ngành văn hóa, gia đình, thể thao, du lịch.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Thông tư, Thông tư liên tịch được ký ban hành, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải gửi đến cơ quan Công báo của Văn phòng Chính phủ 02 bản chính cùng bản ghi điện tử có chứa nội dung chính xác với văn bản chính.

2. Thông tư, Thông tư liên tịch phải được đăng tải toàn văn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ký ban hành và đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ

Pháp chế tổ chức đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

**Điều 33. Xây dựng, ban hành Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn.**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với Thông tư theo quy định tại Điều 146, 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 44, 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Chương V**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 34. Trách nhiệm phối hợp trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị khác liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong từng khâu thuộc quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Nội dung, phương thức phối hợp cụ thể thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 35. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị mình; chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn trong văn bản quy pháp luật do cơ quan, đơn vị mình được giao chủ trì soạn thảo.

2. Tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Bố trí đủ cán bộ và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực trong xây dựng, phân tích chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

5. Đối với Tổng cục và tương đương, căn cứ Quy chế này và tình hình thực tiễn, ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng tại cơ quan mình.

### **Điều 36. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế**

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc lập và đôn đốc triển khai Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo hoặc góp ý, thẩm định.

2. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực xây dựng, phân tích chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3. Là đầu mối cho ý kiến góp ý về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi lấy ý kiến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Kịp thời đề xuất, trình Bộ trưởng khen thưởng (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng) đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đăng tải văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

### **Điều 37. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch, Tài chính**

Bố trí kinh phí cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; căn cứ chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được Bộ phê duyệt, Vụ Kế hoạch, Tài chính tổng hợp và tham mưu việc bố trí kinh phí cho các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 38. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**

Bố trí, phân bổ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản đề xuất, phù hợp với nội dung hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ hằng năm của Bộ.

### **Điều 39. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Cá nhân, cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được xét khen thưởng theo quy định của Nhà nước và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ vi phạm các quy định của pháp luật xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế này, thì tùy theo nguyên



nhân, tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các hình thức sau:

a) Trừ điểm thi đua khi chấm điểm, đánh giá kết quả thi đua hàng năm đối với tập thể, cá nhân theo quy định;

b) Các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 40. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Giao Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế này; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Quy chế này nghiên cứu, xây dựng Bộ tài liệu hướng dẫn các nghiệp vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng quyết định./.

**Phụ lục**  
**MẪU THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA,**  
**THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Mẫu số 01: Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (quy định trực tiếp).

Mẫu số 02: Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

**Mẫu số 01: Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (quy định trực tiếp).**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../20...(1).../TT-BVHTTDL      Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1)...

**THÔNG TƯ**

.....**(2)**.....

*Căn cứ* ..... (3)..... ;

*Theo đề nghị của* ..... (4) .....

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư* ....(2)...

.....**(5)**.....

.....

**Điều 1.**.....

.....

**Điều.** .....

.....

.....**(5)**.....

.....

**Điều.** .....

.....

**Điều.** .....

## **Điều. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng..... năm .....
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua ... (6)....) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VH-TT-DL;
- Các Tổng Cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VH-TT-DL;
- Sở VH-TT-DL, Sở VH-TT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VH-TT-DL;
- ...
- Lưu VT, ..(7). A.XX(8).

**BỘ TRƯỞNG**  
(Chữ ký, dấu, họ và tên)

### **Ghi chú:**

- (1) Năm ban hành.
- (2) Tên thông tư.
- (3) Căn cứ pháp lý để ban hành ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
- (4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
- (5) Nội dung của thông tư; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.
- (6) Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
- (7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
- (8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần). 1

**Mẫu số 02. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../20...(1).../TT-BVHTTDL Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1)...

**THÔNG TƯ**

**Ban hành .....(2).....**

*Căn cứ .....(3)..... ;*

*Theo đề nghị của .....(4).....*

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư ... (2).*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này.....

**Điều.** ....

**Điều. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng..... năm .....

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua ... (5)...) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**


- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng Cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc

**BỘ TRƯỞNG**  
*(Chữ ký, dấu, họ và tên)*

Bộ VHTTDL;

- Sở VHTTDL, Sở VH TT, Sở DL;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công TTĐT Bộ VHTTDL;
- ...
- Lưu VT, ..(6). A.XX(7).

**Ghi chú:**

- (1) Năm ban hành.
- (2) Tên thông tư.
- (3) Căn cứ pháp lý để ban hành ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
- (4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
- (5) Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
- (6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
- (7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần). 



**\*BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH/QUY CHẾ/ĐIỀU LỆ/DANH MỤC**

.....(1).....

*(Kèm theo Thông tư số .../20.../TT-BVHTTDL ngày ... tháng ... năm ...  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

.....(2).....

.....

**Điều 1.** ....

.....

**Điều.** ....

.....

.....(2).....

.....

**Điều.** ....

.....

**Điều.** ....

...../.

**Ghi chú:**

\* Đóng dấu treo.

(1) Tên Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...

(2) Nội dung của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục. 1